UBND TỈNH ĐỒNG NAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 5496 /SYT-NV V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý III/2019	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Giám đốc các cơ sở y tế trực thuộc Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, Phòng khám đa khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh.

(sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Sở Y tế nhận được Công văn số 489/TTMS-NVD ngày 05/11/2019 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế về việc báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý III/2019 Giám đốc Sở Y tế thông báo đến các cơ sở y tế được biết và thực hiện theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về Sở Y tế (phòng Nghiệp vụ (Dược) - ĐT: 0251.3840654, Email todauthausytdn@gmail.com)./.

(Đính kèm Công văn số 490/TTMS-NVD ngày 06/11/2019 *của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế)*

Nơi nhận
- Như trên (thực hiện);
- BGĐ SYT (để biết);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chỉ đạo);
- Website SYT Đồng Nai;
- Lưu VT, NV (Dược).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Huy Anh Vũ

Số 2 - Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 942641, Fax: (02513) 847269, Email: syt@dongnai.gov.vn,
Website: syt.dongnai.gov.vn

BỘ Y TẾ **TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA** Số: 489 /TTMS-NVD V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý III/2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

I. Tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 30/9/2019:

Theo chế độ báo cáo, đến ngày 15/10/2019, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo trên phần mềm của các Nhà thầu và các Sở Y tế, cơ sở y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung và đàm phán giá.

1. Giá trị thực hiện đến ngày 30/9/2019 theo báo cáo của nhà thầu, cụ thể:

- Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2018-2019: thực hiện 60,7% (1.416.276.978.883 VNĐ/2.334.013.982.578 VNĐ);

- Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2019-2020: thực hiện 15,3% (1.375.044.815.271 VNĐ/ 9.014.961.660.704 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp 4 thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá: thực hiện 14,6% (352.442.601.195 VNĐ/ 2.420.025.344.334 VNĐ).

(Chi tiết tại bảng 1 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện đến 30/9/2019 tính theo từng hoạt chất của kết quả đấu thầu tập trung Quốc gia cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế năm 2018-2019:

- Giá trị thực hiện thuốc Anastrozol 1mg cao nhất 81,8%.
- Giá trị thực hiện thuốc Paclitaxel 100mg thấp nhất 37% (đặc biệt Paclitaxel 100mg nhóm 2+5 có tỷ lệ thực hiện 07 quý chỉ đạt 13,1%, Paclitaxel 100mg nhóm 3 có tỷ lệ thực hiện 02 quý đạt 9,6%).
- Tỷ lệ thực hiện của Docetaxel 80mg, Capecitabin 500mg, Oxaliplatin 100mg lần lượt là 61,1%; 63,7% và 54,3%.
- Tính theo từng nhóm thuốc: Đối với tất cả các hoạt chất, Biệt dược gốc chiếm tỷ lệ thực hiện cao nhất, sau đó đến thuốc generic nhóm 1. Các thuốc generic nhóm 2,3,5 đều có tỷ lệ thực hiện thấp.

(Chi tiết tại bảng 2 đính kèm)

3. Kết quả thực hiện đến 30/9/2019 của các Sở Y tế, Bệnh viện trung ương đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2018-2019:

- Có 49/59 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 17/22 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có thể không đạt tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu khi hết hiệu lực gói thầu từ 80% trở lên theo quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BYT (Tỷ lệ thực hiện 07 Quý dưới 70%).
- Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn, tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 70% (*chi tiết tại Bảng 3*).

4. Chi tiết kết quả thực hiện tại file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia kèm theo công văn này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ ***http://moh.gov.vn*** *(kéo xuống phía cuối góc phải mục "văn bản mới công bố" kích vào "tìm kiếm" sau đó chọn cơ quan ban hành: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia).*

- *Phụ lục 1:* Báo cáo Quý III/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019.
- *Phụ lục 2:* Báo cáo Quý III/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020.
- *Phụ lục 3:* Báo cáo Quý III/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá.
- *Phụ lục 4:* Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo gói thầu.
- *Phụ lục 5:* Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hoạt chất.
- *Phụ lục 6:* Tổng hợp báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung các gói thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế năm 2018-2019 theo giá trị của các Sở Y tế/BVTW.

II. Trung tâm MSTTQG đề nghị các cơ sở y tế một số nội dung như sau:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cân đối giữa các nhóm thuốc và theo đúng quy định tại Điều 28 Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Đề nghị các đơn vị tăng cường sử dụng các nhóm thuốc hiện đang có tỷ lệ sử dụng thấp hơn các nhóm khác gồm:

+ Anastrozol 1mg nhóm 3+5
+ Capecitabin 500mg nhóm 2
+ Docetaxel 80mg nhóm 2+5
+ Oxaliplatin 100mg nhóm 1,2,3,5
+ Paclitaxel 100mg các nhóm.

Đối với các thuốc trúng thầu đấu thầu tập trung quốc gia có hiệu lực thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/2019 (Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel, Capecitabin,

Anastrozol), Trung tâm MSTTQG đề nghị các cơ sở y tế phối hợp với nhà thầu để có kế hoạch nhập hàng, dự trữ hàng hóa hợp lý để đảm bảo cung ứng cho nhu cầu điều trị trước khi kết thúc hợp đồng.

2. Các đơn vị có hoạt chất đã thực hiện trên 80% hoặc dưới 70% số lượng phân bổ chủ động tra cứu thông tin tại Phụ lục 1 file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia cập nhật hàng quý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc dữ liệu phần mềm của Trung tâm MSTTQG tại địa chỉ **ttms.moh.gov.vn** để lập kế hoạch điều tiết thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

3. Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Trung tâm để cập nhật số liệu chính xác.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Nguyễn Trường Sơn (để báo cáo);
- Các PGĐ Trung tâm MSTTQG (để biết);
- Cổng TT Điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Nguyễn Trí Dũng

Bảng 1: Kết quả thực hiện theo gói thầu

STT	MÃ GÓI THẦU	TÊN GÓI THẦU	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 30/9/2019	TỶ LỆ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019			**2.334.013.982.578**	**1.416.276.978.883**	**60,7%**	
1	ĐTTT.BDG.01.2017	Cung cấp thuốc biệt dược gốc năm 2017	1.602.455.605.109	1.065.266.357.157	66,5%	7/8 QUÝ
2	ĐTTT.Generic.02.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Bắc (trừ trung du, miền núi) năm 2017	261.519.537.348	148.081.876.285	56,6%	7/8 QUÝ
3	ĐTTT.Generic.03.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc năm 2017	33.633.228.349	19.069.505.569	56,7%	7/8 QUÝ
4	ĐTTT.Generic.04.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Trung năm 2017	110.617.456.324	47.879.724.972	43,3%	7/8 QUÝ
5	ĐTTT.Generic.05.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Nam năm 2017	325.788.155.448	135.979.514.900	41,7%	7/8 QUÝ
6	ĐTTT.Generic.01.2018	Cung cấp thuốc capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc	24.922.765.000	7.843.052.000	31,5%	5/8 QUÝ
7	ĐTTT.Generic.08.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Bắc	23.102.992.410	2.767.735.170	12,0%	2/8 QÚY
8	ĐTTT.Generic.09.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Trung	18.675.758.310	1.179.382.710	6,3%	2/8 QÚY
9	ĐTTT.Generic.10.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Nam	22.200.455.310	2.796.517.950	12,6%	2/8 QÚY
Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020			**9.014.961.660.704**	**1.375.044.815.271**	**15,3%**	
10	ĐTTT.BDG.01.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc	6.711.877.144.610	1.231.712.989.726	18,4%	2/8 QÚY
11	ĐTTT.generic.02.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các	973.765.196.278	69.847.252.102	7,2%	1/8 QÚY

		tỉnh miền Bắc				
12	ĐTTT.generic.03.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Trung	178.402.748.707	10.451.786.248	5,9%	1/8 QÚY
13	ĐTTT.generic.04.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam	864.609.451.202	48.081.039.263	5,6%	1/8 QÚY
14	ĐTTT.generic.05.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc	135.874.564.335	4.774.903.274	3,5%	1/8 QÚY
15	ĐTTT.generic.06.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Trung	40.424.205.516	2.852.917.204	7,1%	1/8 QÚY
16	ĐTTT.generic.07.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam	110.008.350.056	7.323.927.454	6,7%	1/8 QÚY
Đàm phán giá năm 2018			**2.420.025.344.334**	**352.442.601.195**	**14,6%**	
17	ĐPG.BDG.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2018	2.420.025.344.334	352.442.601.195	14,6%	3/8 QÚY

Bảng 2: Kết quả thực hiện theo hoạt chất đối với các thuốc thuộc danh mục Đấu thầu tập trung Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2018-2019

STT	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	NHÓM TCKT	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 30/9/2019	TỶ LỆ THỰC HIỆN
1	Anastrozol	1mg	Biệt dược	92.392.561.934	77.479.450.888	83,9%
2	Anastrozol	1mg	Nhóm 1 +2	17.863.299.040	13.842.928.960	77,5%
3	Anastrozol	1mg	Nhóm 3 +5	3.916.594.080	2.062.254.600	52,7%
	Anastrozol	**1mg**		**114.172.455.054**	**93.384.634.448**	**81,8%**
4	Capecitabin	500mg	Biệt dược	500.820.512.074	374.770.064.040	74,8%
5	Capecitabin	500mg	Nhóm 3 +5	37.257.190.906	20.416.261.560	54,8%
6	Capecitabin	500mg	Nhóm 1	374.898.401.130	199.745.298.840	53,3%
7	Capecitapin	500mg	Nhóm 2*	24.922.765.000	7.843.052.000	31,5%
	Capecitapin	**500mg**		**937.898.869.110**	**602.774.676.440**	**64,3%**
8	Docetaxel	80mg /4ml	Biệt dược	391.527.700.598	259.334.887.242	66,2%
9	Docetaxel	80mg/8ml	Nhóm 1	59.864.314.498	32.330.453.280	54,0%
10	Docetaxel	80mg/4ml	Nhóm 2 + 5	18.102.382.683	5.015.919.216	27,7%
11	Docetaxel	80mg	Nhóm 3 ***	21.094.425.000	2.877.930.000	13,6%
	Docetaxel	**80mg**		**490.588.822.779**	**299.559.189.738**	**61,1%**
12	Oxaliplatin	100mg/ 20ml	Biệt dược	277.307.245.504	211.409.369.987	76,2%
13	Oxaliplatin	100mg/20ml	Nhóm 1	85.273.435.900	39.189.107.900	46,0%
14	Oxaliplatin	100mg/20ml	Nhóm 2 + 5	28.962.133.200	8.904.795.900	30,7%
15	Oxaliplatin	100mg	Nhóm 3 **	18.111.800.700	1.484.639.100	8,2%
	Oxaliplatin	**100mg**		**409.654.615.304**	**260.987.912.887**	**63,7%**
16	Paclitaxel	100mg/16,7ml	Biệt dược	340.407.585.000	142.272.585.000	41,8%
17	Paclitaxel	100mg/16,7ml	Nhóm 1	83.124.910.282	26.580.527.470	32,0%
18	Paclitaxel	100mg/17ml	Nhóm 2 + 5	22.295.715.750	2.923.074.000	13,1%

19	Paclitaxel	100mg	Nhóm 3 **	24.772.980.330	2.381.066.730	9,6%
Tổng	**Paclitaxel**	**100mg**		**470.601.191.362**	**174.157.253.200**	**37,0%**

* Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 1/7/2018 (được 05 quý)

** Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 01/01/2019 (được 03 quý).

*** Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 01/07/2019 (được 01 quý).

Bảng 3: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn, tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 70% so với giá trị trúng thầu được phân bổ ***(đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTT cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019)***

STT	Tên đơn vị	Giá trị trúng thầu + điều tiết	Giá trị thực hiện đến 30/9/2019	Tỷ lệ thực hiện đến 30/9/2019
MIỀN BẮC				
1	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	27.977.493.988	1.215.846.428	4,3%
2	SYT Hải Phòng	92.597.432.011	14.156.619.581	15,3%
3	Bệnh viện Phụ sản TW	5.154.084.488	888.833.138	17,2%
4	Bệnh viện Bạch Mai	205.381.306.500	70.926.984.160	34,5%
5	Bệnh viện E	10.735.925.463	4.430.327.564	41,3%
6	SYT Thái Bình	11.701.694.950	5.644.801.240	48,2%
7	SYT Hải Dương	9.513.815.020	4.808.785.006	50,5%
8	SYT Bắc Giang	13.775.536.853	7.107.151.970	51,6%
9	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	15.889.834.946	9.159.955.065	57,6%
10	SYT Ninh Bình	5.805.344.721	3.555.169.602	61,2%
11	SYT Vĩnh Phúc	8.409.876.540	5.507.064.514	65,5%
12	SYT Phú Thọ	6.866.291.957	4.559.443.329	66,4%
13	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí	5.663.796.705	3.882.453.426	68,5%
14	SYT Hà Nội	120.026.670.263	83.120.804.878	69,3%
15	Bệnh viện Phổi Trung ương	16.676.642.150	11.602.665.178	69,6%
MIỀN TRUNG				
16	Bệnh viện C Đà Nẵng	40.674.404.216	2.951.458.989	7,3%
17	SYT Quảng Trị	5.754.138.779	1.076.561.472	18,7%
18	SYT Quảng Nam	6.617.505.500	1.313.513.270	19,8%
19	SYT Nghệ An	91.015.329.752	31.603.288.407	34,7%

20	SYT Đà Nẵng	134.003.391.030	57.874.514.006	43,2%
21	SYT Thừa Thiên Huế	19.691.857.571	8.813.008.090	44,8%
22	Bệnh viện Trung ương Huế	29.744.217.378	15.048.336.995	50,6%
23	SYT Bình Định	19.491.671.440	10.360.849.922	53,2%
MIỀN NAM				
24	SYT Bến Tre	20.077.289.900	1.417.548.140	7,1%
25	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	7.036.313.370	593.005.574	8,4%
26	SYT Kiên Giang	5.377.005.440	711.586.480	13,2%
27	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	9.501.173.840	1.451.995.114	15,3%
28	SYT Đồng Nai	22.142.962.325	4.399.355.129	[illegible]9%
29	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	136.588.884.189	72.203.108.970	[illegible]0%
30	Bệnh viện Thống Nhất	26.781.210.872	16.254.787.876	60,7%
31	SYT Cần Thơ	52.901.767.774	33.322.459.557	[illegible]%